HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /NQ-HĐND	*Bỉm Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi NSNN năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Nghị định 163/2016/ NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1161/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc "Đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2017"; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 30/6/2017 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã và ý kiến Đại biểu HĐND Thị xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 1161/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2017 của UBND thị xã về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2017 với các nội dung sau:

I. ĐIỀU CHỈNH THU CHI NGÂN SÁCH.

1. Thu Ngân sách:

- Dự toán giao đầu năm: 249.702 triệu đồng;
- Điều chỉnh tăng: 26.704 triệu đồng;
- Dự toán sau điều chỉnh: 276.406 triệu đồng.

2. Chi Ngân sách:

- Dự toán giao đầu năm: 249.702 triệu đồng;
- Điều chỉnh tăng: 26.704 triệu đồng;
- Dự toán sau điều chỉnh: 276.406 triệu đồng.

II. SẮP XẾP LẠI NHIỆM VỤ CHI.

1. Chi đầu tư XDCB: Tăng chi đầu tư XDCB: 13.555 triệu đồng.

+ Từ nguồn chuyển nguồn 2016 sang 2017: 5.522 triệu đồng.
+ Từ nguồn kết dư Ngân sách: 7.033 triệu đồng.
+ Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2017: 1.000 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: Tăng chi thường xuyên: 13.149 triệu đồng;

+ Từ nguồn chuyển nguồn 2016 sang 2017: 3.313 triệu đồng.

+ Từ nguồn kết dư Ngân sách: 8.836 triệu đồng.

+ Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2017: 1.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao UBND Thị xã:

1. Căn cứ Nghị Quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, ban hành quyết định về việc điều chỉnh dự toán thu, chi NSNN năm 2017.

2. Chỉ đạo các ngành, các đơn vị tổ chức thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo HĐND Thị xã.

Điều 3: Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các Đại biểu HĐND thị xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND thị xã khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:
- TT HĐND,UBND tỉnh (B/c);
- Sở Tư pháp Tỉnh (B/c);
- Thường vụ Thị uỷ (B/c);
- UBND thị xã;
- UBMTTQ và các Đoàn thể;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Các ngành, CQ,ĐV trên địa bàn;
- Lưu: VT, TT.HĐND

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thuận

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của HĐND thị xã Bỉm Sơn)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
	TỔNG CỘNG	**249,702**	**207,132**	**42,570**	**26,704**	**20,328**	**6,376**	**276,406**	**227,460**	**48,946**	
1	Thu điều tiết	173,642	151,922	21,720	2,000	2,000		175,642	153,922	21,720	
3	Bổ sung từ NS cấp Tỉnh	55,209	36,179	19,030				55,209	36,179	19,030	
4	Thu chuyển nguồn				8,836	7,681	1,155	8,836	7,681	1,155	Căn cứ Quyết toán 2016
5	Kết dư Ngân sách				15,869	10,647	5,222	15,869	10,647	5,222	
6	Thu đóng góp, thuê địa điểm, xã hội hóa, thu học phí	20,851	19,031	1,820	-			20,851	19,031	1,820	

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017

Theo cơ cấu nguồn vốn ĐTXD và nguồn Sự nghiệp chi thường xuyên

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của HĐND thị xã Bỉm Sơn)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
	TỔNG CỘNG	**249,702**	**207,131**	**42,570**	**26,704**	**20,328**	**6,376**	**276,406**	**227,460**	**48,946**	
I	**CHI ĐẦU TƯ**	**73,026**	**59,464**	**13,562**	**13,555**	**9,632**	**3,923**	**86,581**	**69,096**	**17,485**	
1	**Vốn NS năm 2017**	**73,026**	**59,464**	**13,562**	**1,000**	**1,000**	**0**	**74,026**	**60,464**	**13,562**	
1.1	Nguồn Cấp quyền sử dụng đất	44,089	41,352	2,737				44,089	41,352	2,737	
1.2	Nguồn Đóng góp	9,778	7,958	1,820				9,778	7,958	1,820	
1.4	Nguồn CQKTKS	2,702		2,702				2,702		2,702	
1.5	Phí BVMT sau KTKS	16,457	10,154	6,303				16,457	10,154	6,303	
1.6	Tăng thu NS				1,000	1,000		1,000	1,000	-	
2	**Nguồn chuyển nguồn từ 2016**	**0**	**0**	**0**	**5,522**	**5,522**	**0**	**5,522**	**5,522**	**0**	
2.1	Nguồn Đóng góp				500	500		500	500		
2.2	Phí BVMT sau KTKS				450	450		450	450		
2.3	Nguồn mục tiêu				936	936		936	936		
2.4	Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2016				3,636	3,636		3,636	3,636		Căn cứ Quyết toán NS năm 2016
3	**Nguồn Kết dư NS**	**0**	**0**	**0**	**7,033**	**3,110**	**3,923**	**7,033**	**3,110**	**3,923**	
3.1	Nguồn Cấp quyền sử dụng đất				73	60	13	73	60	13	
3.2	Phí BVMT sau KTKS				3,327	3,050	277	3,327	3,050	277	
3.3	Kết dư NS				3,633		3,633	3,633		3,633	
II	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	**173,275**	**145,111**	**28,163**	**13,149**	**10,697**	**2,453**	**186,424**	**155,808**	**30,616**	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	18,970	18,650	320				18,970	18,650	320	
2	Chi sự nghiệp môi trường	13,162	12,922	240				13,162	12,922	240	
3	Chi SN văn hóa-TDTT	9,357	9,162	195				9,357	9,162	195	
4	Chi SN Phát thanh truyền hình	1,029	942	87				1,029	942	87	
5	Chi SN y tế	7,212	7,212					7,212	7,212		

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
6	Chi SN Đảm bảo xã hội	9,615	8,510	1,105				9,615	8,510	1,105	
7	Chi SN giáo dục	67,603	67,123	480				67,603	67,123	480	
8	Chi QLNN, Đảng đoàn thể	40,640	16,282	24,358				40,640	16,282	24,358	
9	Chi Quốc phòng	1,902	1,808	94				1,902	1,808	94	
10	Chi An ninh	584	500	84				584	500	84	
11	Chi khác Ngân sách	2,200	1,000	1,200				2,200	1,000	1,200	
12	Kết dư NS				8,836	7,537	1,298	8,836	7,537	1,298	
-	*Nguồn CCTL*				*5,059*	*5,059*		*5,059*	*5,059*		
-	*Nguồn Kết dư NS*				*3,776*	*2,478*	*1,298*	*3,776*	*2,478*	*1,298*	
13	Chuyển nguồn 2016 sang 2017				3,314	2,159	1,154	3,314	2,159	1,154	*Căn cứ Quyết toán NS năm 2016*
-	*Nguồn mục tiêu chuyển nguồn*				*2,429*	*1,809*	*620*	*2,429*	*1,809*	*620*	
-	*Dự phòng chưa sử dụng*				*535*		*535*	*535*		*535*	
-	*Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2017*				*350*	*350*		*350*	*350*		
14	Chi từ nguồn tăng thu NS	1,000	1,000		1,000	1,000		2,000	2,000		
III	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**3,401**	**2,556**	**845**				**3,401**	**2,556**	**845**	